

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 68-KH/TU ngày 28/4/2026 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 – 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”

Căn cứ Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 68-KH/TU ngày 28/4/2026 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV; nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030 gắn với mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”, UBND tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện với các nội dung cụ thể như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV; các Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 và số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ; Kế hoạch số 68-KH/TU ngày 28/4/2026 của Tỉnh ủy về thực hiện (sau đây gọi là Nghị quyết số 169/NQ-CP, Nghị quyết số 109/NQ-CP và Kế hoạch số 68-KH/TU).

2. Đề ra những chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu trong giai đoạn 2026 - 2030; phân công trách nhiệm cụ thể, rõ nguồn lực, tiến độ và các điều kiện cần thiết để thực hiện bảo đảm “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ thẩm quyền”, làm căn cứ quan trọng để các cấp, các ngành thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 169/NQ-CP, Nghị quyết số 109/NQ-CP và Kế hoạch số 68-KH/TU.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, yêu cầu các sở, ban, ngành, các địa phương phải nghiêm túc quán triệt sâu sắc phương châm: Phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển và không ngừng nâng cao đời sống Nhân dân; lấy sự hài lòng, tín nhiệm của người dân, doanh nghiệp và hiệu quả công việc làm tiêu chí đánh giá.

B. MỤC TIÊU

Phấn đấu tốc độ tăng tổng sản phẩm địa phương (GRDP) giai đoạn 2025-2030 đạt 10-10,5%; đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tư nhân; xây dựng tỉnh Gia Lai phát triển nhanh, bền vững, trở thành trung tâm công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ, du lịch, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI); phấn đấu đưa Gia Lai trở thành tỉnh phát triển khá và cùng với cả nước vững vàng bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

(Các chỉ tiêu cụ thể tại Phụ lục 1, 2 kèm theo Kế hoạch này)

C. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I. VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2026-2030

1. Thống nhất tư duy, nhận thức, khát vọng và hành động; đổi mới quản trị thực thi để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế “2 con số”

Các cơ quan, đơn vị, địa phương, cán bộ, công chức, viên chức nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và yêu cầu chiến lược, cấp bách thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số” gắn với ổn định vĩ mô, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, phải cụ thể hóa trong các chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, có nhiệm vụ, kết quả, sản phẩm cụ thể cho từng ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với trách nhiệm người đứng đầu; kiểm tra, giám sát, đánh giá dựa trên tiêu chí kết quả thực hiện. Tăng cường tuyên truyền, vận động, hành động nêu gương để củng cố niềm tin, khát vọng phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, người dân và toàn xã hội.

2. Tập trung hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ, hiện đại, cạnh tranh để tạo đột phá tăng trưởng

- Tập trung củng cố, kiện toàn và vận hành thông suốt tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; triển khai thực hiện hiệu quả công tác phối hợp linh hoạt giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; thực hiện đồng bộ các cơ chế để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức, đoàn thể được tham gia sâu rộng trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước và bảo đảm an ninh, trật tự tại cơ sở; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi pháp luật; bảo đảm pháp luật được thi hành nghiêm minh, thống nhất, đồng bộ.

- Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững; cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tập trung phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, xây dựng xã hội số; phát triển kinh tế tư nhân thật sự trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; đẩy mạnh hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả, tranh thủ mọi nguồn lực để phát triển.

- Kịp thời thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành những cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, có tính khả thi cao để tháo gỡ các điểm nghẽn, thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực tài chính mạnh, khoa học công nghệ tiên tiến thuộc các lĩnh vực đầu tư vào địa bàn tỉnh. Thường xuyên rà soát, kịp thời kiến nghị Trung ương hoàn thiện thể chế, sửa đổi cơ chế, chính sách, tập trung vào hệ thống các văn bản liên quan đến phát triển nền kinh tế số, đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, thương mại, khoáng sản, xây dựng, năng lượng... để tháo gỡ các điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tiếp tục cắt giảm tối đa thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, giảm chi phí tuân thủ pháp luật, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

- Rà soát, tổng hợp báo cáo những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện

các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, phân định rõ thẩm quyền, đề xuất tháo gỡ các vướng mắc khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

- Đổi mới mạnh mẽ công tác tổ chức thực hiện, chú trọng giám sát và xử lý sau thanh tra, đẩy mạnh hơn nữa phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Kiên quyết, kịp thời thay thế cán bộ yếu kém, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ; khen thưởng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức gắn với cơ cấu lại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa Trung ương – địa phương – doanh nghiệp – người dân; triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách đột phá, bảo vệ người dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung theo quy định của Trung ương.

1.3. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực; phát triển các khu vực doanh nghiệp, các mô hình kinh tế mới

1.3.1. Ngành công nghiệp

Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, xanh, thông minh, phát thải thấp; chuyển mạnh từ tăng trưởng dựa chủ yếu vào mở rộng vốn, đất đai và công suất sang dựa trên năng suất lao động, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, hiệu quả sử dụng tài nguyên và năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP). Ưu tiên các ngành có khả năng hình thành chuỗi giá trị, tạo giá trị gia tăng lớn, liên kết chặt chẽ với nông nghiệp, dịch vụ, logistics và xuất khẩu; hạn chế tiếp nhận dự án công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều tài nguyên, năng lượng và có nguy cơ gây ô nhiễm.

a) Phân vùng không gian phát triển công nghiệp

Tổ chức không gian công nghiệp gắn với mô hình phát triển **“Ba trục hành lang động lực – Hai khu kinh tế – Ba khu vực động lực – Bốn vùng kinh tế”**, bảo đảm liên kết giữa khu vực cao nguyên, cửa khẩu với khu vực duyên hải, cảng biển và các trung tâm đô thị.

- Khu vực phía Tây tập trung phát triển công nghiệp chế biến sâu nông, lâm sản; công nghiệp sinh học, dược liệu, thức ăn chăn nuôi, cơ khí phục vụ nông nghiệp, năng lượng tái tạo và công nghiệp hỗ trợ; gắn vùng nguyên liệu với Pleiku mở rộng, Khu kinh tế biên mậu Lệ Thanh, Chư Sê, Đak Đoa và các đầu mối logistics.

- Khu vực phía Đông ưu tiên công nghiệp chế biến thủy sản, thực phẩm, đồ gỗ, cơ khí chính xác, công nghiệp hỗ trợ, vật liệu mới, điện tử, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và công nghiệp số; gắn với Khu kinh tế Nhơn Hội, hệ thống cảng biển, Cảng hàng không Phù Cát, ga Diêu Trì và hành lang kinh tế biển phía Đông.

- Phát triển các khu, cụm công nghiệp dọc các tuyến cao tốc Quy Nhơn – Pleiku, Bắc – Nam phía Tây, Pleiku – Lệ Thanh, Quốc lộ 19, Quốc lộ 25 và các tuyến giao thông chiến lược; hình thành chuỗi liên kết **vùng nguyên liệu – chế biến – logistics – cảng biển – cửa khẩu – xuất khẩu**, hạn chế đầu tư phân tán và cạnh tranh nội bộ giữa các địa phương.

b) Phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Triển khai các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có trong Quy hoạch tỉnh, tạo điều kiện về mặt bằng sạch, đảm bảo hạ tầng để thuận lợi trong thu hút đầu tư; đồng thời, tiếp tục

bổ sung quy hoạch và có kế hoạch phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp mới khi đủ điều kiện. Phát triển một số mô hình khu công nghiệp, cụm công nghiệp mới phù hợp xu hướng phát triển chung như mô hình khu công nghiệp, cụm công nghiệp sinh thái; khu công nghiệp công nghệ cao; khu công nghiệp zero – carbon; khu công nghiệp tích hợp trung tâm dữ liệu; khu, cụm công nghiệp logistic số; khu, cụm công nghiệp công nghệ cao - công nghiệp chế biến tích hợp; khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh; khu công nghiệp tập trung.

** Khu công nghiệp*

- Triển khai các dự án phát triển khu công nghiệp trong quy hoạch tỉnh, bảo đảm các điều kiện về mặt bằng sạch, hạ tầng đồng bộ để sẵn sàng thu hút các nhà đầu tư có năng lực; tăng tỷ lệ lấp đầy trong các khu kinh tế, khu công nghiệp như: Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, Khu công nghiệp - Đô thị và Dịch vụ Becamex - VSIP Bình Định, Phù Mỹ, Bình Nghi,...

- Đầu tư xây dựng mới một số khu công nghiệp như: Hoài Mỹ, Cát Trinh, Nam Pleiku, Đak Đoa...; hình thành vành đai công nghiệp Vân Canh - An Nhơn - Phù Cát - Phù Mỹ; phát triển Khu công nghiệp điện tử, bán dẫn Hòa Hội, Khu công nghiệp Cát Trinh gắn với đô thị sân bay Phù Cát; phát triển khu công nghiệp dọc hành lang đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 25, Cao tốc Quy Nhơn – Pleiku, Cao tốc Bắc Nam,...

- Tiếp tục bổ sung quy hoạch và có kế hoạch phát triển các khu công nghiệp mới theo Phương án phát triển đã được phê duyệt khi đủ điều kiện.

- Tổ chức thực hiện thí điểm mô hình khu công nghiệp sinh thái điều hành thông minh tại một số khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở đánh giá, rút kinh nghiệm và nhân rộng triển khai trên toàn bộ các khu công nghiệp của tỉnh.

- Phát triển khu công nghiệp có trong Quy hoạch tỉnh với 24 khu công nghiệp với tổng diện tích 9.034 ha; trong đó đến 2030, có 19 khu công nghiệp với diện tích 6.526 ha. Đồng thời, bổ sung quy hoạch 03 khu công nghiệp với tổng diện tích 1.650 ha.

- Thành lập mới 08 khu công nghiệp (diện tích khoảng 3.580 ha) và mở rộng 02 khu công nghiệp hiện hữu (diện tích khoảng 252 ha) để đảm bảo diện tích đất công nghiệp trong các khu công nghiệp đi vào hoạt động, phục vụ thu hút 225 dự án thứ cấp vào khu công nghiệp với tổng diện tích khoảng 1.700 ha. Trong đó, năm 2026 lấp đầy khoảng 70%, năm 2027 lấp đầy khoảng 80%, năm 2028 lấp đầy khoảng 80%, năm 2029 lấp đầy khoảng 85% và năm 2030 lấp đầy khoảng 87% diện tích đất công nghiệp các khu công nghiệp đi vào hoạt động.

** Cụm công nghiệp*

- Phát triển cụm công nghiệp có trong Quy hoạch tỉnh với 99 cụm công nghiệp với tổng diện tích 5.412 ha. Đồng thời, bổ sung các cụm công nghiệp mới với tổng diện tích khoảng 3.000 ha ở những vị trí thuận lợi, dọc theo tuyến cao tốc Quy Nhơn – Pleiku, Quốc lộ 19, các tuyến cao tốc Bắc Nam (tuyến qua Gia Lai) và có kế hoạch phát triển các cụm công nghiệp mới khi đủ điều kiện.

- Hoàn thành thu hút đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật 62 cụm công nghiệp đã được thành lập với diện tích đất công nghiệp còn lại khoảng 750 ha; tiếp tục xúc tiến mời gọi doanh nghiệp làm chủ đầu tư và thành lập mới 20-25 cụm công nghiệp với diện tích đất

công nghiệp khoảng 1.200 ha phục vụ thu hút các dự án các dự án quy mô lớn và bố trí đảm bảo quỹ đất dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại.

- Nâng dần tỷ lệ lấp đầy tại các cụm công nghiệp; trong đó, năm 2026 lấp đầy khoảng 72%, năm 2027 lấp đầy khoảng 76%, năm 2028 lấp đầy khoảng 77%, năm 2029 lấp đầy khoảng 78% và năm 2030 lấp đầy khoảng 85% diện tích đất công nghiệp các cụm công nghiệp đi vào hoạt động.

c) Phát triển sản xuất các ngành công nghiệp

Tỉnh Gia Lai tập trung phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với chuyển đổi số và kinh tế xanh, gồm các định hướng trọng tâm: Phát triển công nghiệp chế biến sâu; công nghiệp năng lượng và công nghiệp xanh; hình thành các ngành công nghiệp công nghệ cao; công nghiệp hỗ trợ và cơ khí điện tử; công nghiệp vật liệu và sản phẩm thân thiện môi trường; hạ tầng công nghiệp hiện đại; đẩy mạnh chuyển đổi số trong sản xuất công nghiệp, trong đó:

+ *Công nghiệp chế biến gỗ*: Phát triển theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, bền vững về kinh tế, xã hội, môi trường và nguồn gốc hợp pháp; tập trung xuất khẩu các sản phẩm gỗ nội thất, gỗ ngoài trời, các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm đan nhựa giả mây; ưu tiên phát triển các nhà máy sản xuất tủ bếp, ván gỗ, sản phẩm gỗ nguyên khối... để tăng nhanh giá trị sản xuất công nghiệp.

+ *Công nghiệp chế tạo máy, cơ khí*: Thu hút các dự án sản xuất thép quy mô lớn, sản xuất các thiết bị phụ trợ điện gió có công nghệ tiên tiến; tăng cường liên kết giữa khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực trong nước. Phát triển cơ khí đóng mới tàu thuyền, sản xuất máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ phát triển ngành nông nghiệp, chế biến lâm sản, ngư nghiệp. Phát triển công nghiệp hỗ trợ, các ngành cơ khí trong các khu, cụm công nghiệp, để hỗ trợ các ngành công nghiệp khác phát triển. Quan tâm thu hút đầu tư các dự án sản xuất các sản phẩm cơ khí chính xác như khuôn mẫu, đồ gá, chi tiết linh kiện kim loại có độ chính xác rất cao, phục vụ sản xuất ô tô, điện tử, rô-bốt công nghiệp... Khuyến khích doanh nghiệp nội địa hợp tác liên doanh, nhận chuyển giao công nghệ, tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu. Chú trọng thu hút các nhà đầu tư FDI từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Mỹ... nơi có thế mạnh trong lĩnh vực cơ khí chế tạo.

+ *Công nghiệp dệt may - da giày*: Ưu tiên đầu tư từ các tập đoàn, tổng công ty lớn và đầu tư nước ngoài. Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm của ngành dệt may - da giày hiện có. Chú trọng đầu tư phát triển các sản phẩm may mặc¹, vải sợi, giày, cặp, túi xuất khẩu các loại. Kêu gọi đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất vải cao cấp, vải giả da (simili), vải nhựa các loại, nguyên phụ liệu ngành may. Tập trung cải tiến mẫu mã, đào tạo đội ngũ thiết kế, xây dựng thương hiệu sản phẩm.

Phát triển ngành công nghiệp dệt may - da giày theo hướng hiện đại, quy mô lớn, có sự bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh. Nâng cao năng lực của doanh nghiệp trong dịch chuyển phương thức sản xuất kinh doanh từ hình thức gia công từ khâu đầu đến khâu cuối (CMT), gia công từng phần (OEM) sang các hình thức như: mua nguyên

¹ Quần, áo jacket; quần áo trẻ em; veston nam, nữ; somi; váy, đầm; quần áo đồng phục; bảo hộ lao động...), sản phẩm giày (giày dép, giày thể thao)...

liệu - sản xuất - bán thành phẩm (FOB) hoặc thiết kế - sản xuất - cung cấp sản phẩm và dịch vụ liên quan (ODM). Từng bước phát triển có chọn lọc các doanh nghiệp dệt may theo hướng hạn chế đầu tư trong khu vực đô thị; khuyến khích phát triển các cơ sở may mặc, da giày ở các cụm công nghiệp, khu vực nông thôn, nhất là các xã phía tây của Tỉnh để tạo việc làm và sinh kế cho người dân.

+ *Công nghiệp hóa chất và dược phẩm*: Hỗ trợ các nhà máy Bidiphar, FKB... đầu tư chiều sâu, từng bước đổi mới công nghệ, thiết bị ngang tầm với trình độ tiên tiến trong khu vực, cung cấp sản phẩm cho thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp hóa dược, ưu tiên nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao công nghệ, sản xuất thuốc công nghệ cao, thuốc dược liệu được tiêu chuẩn hóa, y dược cổ truyền; nâng cao năng lực, hiệu quả ngành thực phẩm chức năng từ nguồn dược liệu sẵn có trong nước; phát triển sản xuất, nuôi trồng dược liệu, trong đó chú trọng hợp tác với các doanh nghiệp có công nghệ bảo chế hiện đại.

+ *Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng*: Tập trung đầu tư và phát triển các sản phẩm vật liệu xây dựng có thế mạnh của tỉnh, đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành xây dựng trên địa bàn, tạo nguồn hàng vững chắc, ổn định hướng đến xuất khẩu. Tăng cường thu hút đầu tư và phát triển công nghiệp vật liệu mới như vật liệu xây dựng lắp ghép, vật liệu xây dựng được sản xuất từ vật liệu tái chế để giảm thiểu ô nhiễm môi trường và nâng cao giá trị vật liệu xây dựng. Ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại trong xây dựng dân dụng và công nghiệp, phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp công nghệ cao, phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trở thành một trong những lĩnh vực đột phá, góp phần đưa tỉnh Gia Lai trở thành trung tâm công nghiệp năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp số của vùng. Triển khai hiệu quả Đề án phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và an ninh mạng; Đề án thành lập Khu Công nghệ thông tin tập trung với hạ tầng đồng bộ, định hướng phát triển thành hạt nhân của hệ sinh thái công nghiệp số, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và đổi mới sáng tạo tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Thu hút các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đầu tư trong lĩnh vực nghiên cứu, sáng tạo, phát triển công nghệ dựa trên nền tảng của nhiều công nghệ mới, cốt lõi là công nghệ số nhằm thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

- Ưu tiên tiếp nhận các ngành sản xuất công nghiệp có công nghệ sản xuất hiện đại, sử dụng ít tài nguyên hoặc hiệu suất sử dụng tài nguyên cao, ít phát thải.

- Tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp sản xuất, phân phối điện, cấp nước; xử lý rác thải, nước thải và khai khoáng.

+ Tạo đột phá về phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo và công nghiệp xanh, hình thành Trung tâm năng lượng tái tạo của vùng, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế cao. Tập trung thu hút đầu tư phát triển công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh như điện gió ven bờ, điện gió ngoài khơi, điện mặt trời, điện sinh khối, điện rác và nguồn năng lượng mới (hydrogen/amoniac xanh...), góp phần đảm bảo vững chắc an ninh năng lượng quốc gia, tạo tiền đề quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

+ Tiếp tục đầu tư, kêu gọi đầu tư khu xử lý chất thải rắn để tiếp nhận lượng rác thải của các xã, phường, các khu, CCN và làng nghề để xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo

hướng khuyến khích phát triển công nghệ đốt rác phát điện, mô hình kinh tế tuần hoàn biến rác hữu cơ thành phân bón, compost, năng lượng sinh học...

Thu hút đầu tư và tạo điều kiện các nhà máy nước, đầu tư các nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt và đưa vào hoạt động phát huy hiệu quả, đáp ứng nhu cầu mở rộng đô thị và phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

+ Phát triển ngành khai thác đáp ứng nhu cầu các ngành chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh với quy mô và công nghệ khai thác theo hướng tiên tiến, hiện đại, tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường sinh thái, có sự kiểm soát chặt chẽ của các cơ quan quản lý nhà nước; cải tiến công nghệ khai thác, chế biến tinh, nâng cao giá trị sản phẩm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm dần tiến tới không xuất khẩu nguyên liệu thô; hạn chế, tiến đến không sử dụng đất canh tác nông nghiệp để khai thác đất sét, sản xuất gạch nung.

d) Thúc đẩy mô hình tăng trưởng mới và nâng cao đóng góp của TFP

Tập trung nâng cao đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp thông qua đổi mới công nghệ, tự động hóa, quản trị số, sử dụng tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Từng ngành công nghiệp, khu công nghiệp và doanh nghiệp lớn phải xác định rõ chỉ tiêu về năng suất lao động, tỷ lệ tự động hóa, mức tiêu hao năng lượng, nguyên liệu, tỷ lệ chế biến sâu, tái sử dụng chất thải và giá trị tăng thêm.

Khuyến khích doanh nghiệp:

- Áp dụng hệ thống quản trị sản xuất số, cảm biến, trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu để theo dõi thiết bị, nguyên liệu, năng lượng và chất lượng sản phẩm theo thời gian thực.

- Đầu tư đổi mới máy móc, dây chuyền tiết kiệm năng lượng; sử dụng điện mặt trời mái nhà, năng lượng tái tạo và hệ thống tích trữ phù hợp.

- Thực hiện sản xuất sạch hơn, cộng sinh công nghiệp, kinh tế tuần hoàn; tái sử dụng nước, nhiệt, phụ phẩm và chất thải.

- Tăng chi cho nghiên cứu, phát triển sản phẩm, thiết kế, xây dựng thương hiệu, sở hữu trí tuệ và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

- Liên kết với viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp công nghệ để đào tạo nhân lực, chuyển giao công nghệ và giải quyết các bài toán sản xuất.

Rà soát, cập nhật đầy đủ các sản phẩm công nghiệp mới, có giá trị cao như cà phê chế biến, sợi tơ tằm, cát nhân tạo, graphene, phân vi sinh, phụ tùng ô tô, sản phẩm sinh khối và sản phẩm công nghệ số vào hệ thống thống kê; bảo đảm phản ánh đúng quy mô, năng lực sản xuất và đóng góp của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đối với tăng trưởng công nghiệp.

e) Đẩy mạnh phát triển công nghiệp trong nông thôn

Giai đoạn 2026 - 2030, hình thành các “cú điểm nông - công nghiệp”; tạo việc làm mới cho khoảng 2.500 lao động nông thôn; sản lượng sản xuất tăng thêm khoảng 50.000 tấn lương thực, thực phẩm, 20.000 m³ gỗ, 250.000 bộ sản phẩm wicker, 3,8 triệu sản phẩm may mặc, 13 triệu sản phẩm bao bì carton, 17 triệu viên gạch không nung... góp phần gia tăng giá trị công nghiệp trong nông thôn, đóng góp khoảng 10% tổng giá trị gia tăng công nghiệp

trong GRDP với tốc độ tăng trưởng công nghiệp trong nông thôn trên 15%/năm.

Hoạt động khuyến công với mục tiêu “hỗ trợ nhanh - hoạt động sớm - hiệu quả cao” cùng với định hướng phát triển “xanh - số - tuần hoàn”, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh dự kiến thực hiện khoảng 343 đề án khuyến công với kinh phí thực hiện khoảng 100 tỷ đồng và kinh phí khuyến công hỗ trợ khoảng 47 tỷ đồng. Trong đó ưu tiên hỗ trợ các đề án thực hiện tại xã biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tập trung hỗ trợ các ngành nghề, lĩnh vực mà tỉnh có thế mạnh như: công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, chế biến thực phẩm, công nghiệp môi trường, công nghiệp xanh, công nghiệp giảm phát thải và cacbon thấp;...

1.3.2. Ngành xây dựng

a) Mô hình tăng trưởng mới ngành xây dựng

Nghiên cứu sử dụng vật liệu san lấp tái chế từ phế thải phá dỡ từ các công trình xây dựng là biện pháp giúp giảm thiểu tác hại tới môi trường, giảm cường độ tiêu thụ nguyên liệu nguyên sinh; sử dụng các vật liệu sinh học và vật liệu địa phương như tre, gỗ kỹ thuật, phụ phẩm nông nghiệp dùng cho cách nhiệt, cách âm hoặc hoàn thiện nội thất, qua đó tăng giá trị tài nguyên bản địa; cải tạo, chuyển đổi công năng hoặc sửa chữa công trình để kéo dài tuổi thọ sử dụng; thu gom nước mưa, tái sử dụng nước sau xử lý phù hợp, tích hợp điện mặt trời, chiếu sáng hiệu quả năng lượng và quản lý nhu cầu vận hành theo vòng đời công trình. Sử dụng các công nghệ như RAP, CIR, HIPR cho phép tái chế và tái sử dụng lớp mặt đường nhựa cũ; thép tái sinh và cấu kiện module có thể giảm nhu cầu thép nguyên sinh trong cầu, cột, lan can và hạng mục phụ trợ; lốp xe phế thải có thể nghiền nhỏ làm phụ gia mặt đường hoặc vật liệu an toàn; còn nhựa tái sinh có thể được dùng có kiểm soát trong một số ứng dụng hạ tầng phù hợp; sử dụng các dải cây xanh, vỉa hè thấm nước, mương sinh thái, mái xanh và tường xanh nhằm giảm nhiệt độ bề mặt, tăng khả năng thoát nước và hỗ trợ thích ứng khí hậu.

b) Giải pháp tăng cường áp dụng mô hình tăng trưởng mới để tăng tốc độ tăng trưởng của ngành xây dựng tỉnh

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa xây dựng:

+ Phát triển công nghiệp sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn (Precast); khuyến khích áp dụng các kết cấu định hình dầm cầu mới, hiện đại như Super-T, cầu kết cấu ống thép nhồi bê tông, dầm hộp đúc sẵn, cầu lắp ghép modular, tường chắn lắp ghép và các cấu kiện bê tông tiền chế trong xây dựng cầu đường nhằm rút ngắn thời gian thi công, giảm ảnh hưởng đến giao thông và nâng cao chất lượng công trình.

+ Ứng dụng AI camera, cảm biến IoT, tích hợp với BIM để theo dõi tiến độ thi công; trong lĩnh vực giao thông, khuyến khích ứng dụng UAV/Drone khảo sát địa hình và kiểm tra khối lượng; công trường số; nhật ký thi công điện tử; máy rải bê tông xi măng; máy thi công rải phân cách bê tông cứng tự động; công nghệ cào bóc tái sinh mặt đường tại chỗ; công nghệ xử lý nền đất yếu... nhằm nâng cao năng suất lao động, rút ngắn tiến độ và giảm chi phí bảo trì.

+ Phát triển công nghiệp sản xuất nhà lắp ghép (Modular); từng bước hình thành chuỗi sản xuất cấu kiện và thiết bị công nghiệp hóa phục vụ thi công cầu đường như dầm cầu đúc sẵn, cấu kiện thoát nước, cấu kiện an toàn giao thông, lan can, hộ lan, panel chống

ồn, dải phân cách bê tông... để thuận lợi cho công tác bảo trì, thay thế sau này.

+ Trong lĩnh vực giao thông, khuyến khích ứng dụng UAV/Drone khảo sát địa hình và kiểm tra khối lượng; công trường số; nhật ký thi công điện tử; máy rải bê tông xi măng; máy thi công dải phân cách bê tông cứng tự động; trạm trộn và rải bê tông nhựa tự động; công nghệ cào bóc tái sinh mặt đường tại chỗ; công nghệ xử lý nền đất yếu và hệ thống quan trắc công trình cầu nhằm nâng cao năng suất lao động, rút ngắn tiến độ và giảm chi phí bảo trì công trình giao thông.

- Phát triển vật liệu tái chế:

+ Khuyến khích sản xuất cát nhân tạo, gạch không nung; sử dụng nguyên liệu là chất thải công nghiệp trong sản xuất bê tông cấu kiện, sản phẩm bê tông nhẹ. Thu hút đầu tư các dự án tái chế phế thải xây dựng thành cốt liệu cho bê tông, vật liệu nền đường, san lấp. Phát triển các công trình xanh đạt chứng nhận quốc tế (LOTUS, EDGE, LEED, Green Mark).

+ Tái sử dụng các sản phẩm thừa (đá bìa bạnh, đá thải) từ các mỏ được cấp phép khai thác đá làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh để sản xuất cát nhân tạo hoặc sử dụng công nghệ rây sàng để phân loại cát từ đất san lấp, tận dụng tối đa tài nguyên sẵn có để sản xuất cát nhân tạo, hạn chế từ nguồn khai thác cát tự nhiên có nguy cơ gây ảnh hưởng đến môi trường.

+ Sử dụng các dây chuyền nghiền để sàng lọc cốt liệu từ phế thải ngành xây dựng từ hoạt động tháo dỡ các công trình: Giao thông, hạ tầng, dân dụng... (xà bần, nhựa đường,...) để sản xuất thành vật liệu san nền phục vụ xây dựng các công trình trên địa bàn tỉnh.

+ Các trạm trộn bê tông thương phẩm: Đầu tư dây chuyền tách cốt liệu (để xử lý khối lượng bê tông thừa), máy ép bùn (để xử lý khối lượng bùn xi măng), nhằm tăng cường khả năng thu hồi và tái chế sản phẩm, hạn chế đổ thải ra môi trường xung quanh; có giải pháp tái sử dụng khối lượng bùn xi măng (lấp đặt thêm dây chuyền sản xuất gạch không nung hoặc bán cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng làm vật liệu xây dựng) tại các trạm trộn.

- Đô thị thông minh tích hợp (Pleiku, Quy Nhơn): Đầu tư mạng lưới cảm biến IoT (camera AI, cảm biến lưu lượng xe, tiếng ồn, chất lượng nước,...); hoàn thành và vận hành Trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC); xây dựng dữ liệu mở và nền tảng dữ liệu của tỉnh; định hướng xây dựng mô hình đô thị thông minh đặc thù (Quy Nhơn tập trung du lịch biển/logistics; Pleiku tập trung văn hóa/logistics nông nghiệp).

- Áp dụng BIM bắt buộc và số hóa quy hoạch: Quán triệt và thực hiện nghiêm Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 06/03/2025 của UBND tỉnh và Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 14/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh; phấn đấu 100% dự án từ nhóm C trở lên ứng dụng BIM từ khâu chuẩn bị dự án. Hợp tác, đào tạo kỹ sư BIM, chuyên gia tư vấn công trình xanh đạt chứng nhận quốc tế.

- Định hướng phát triển vận tải: Kết nối, thúc đẩy vận tải đa phương thức tối ưu chuỗi cung ứng nông sản; phát triển vận tải hành khách và phương tiện xanh (đến năm 2030, 100% xe taxi mới dùng điện/năng lượng xanh; tối thiểu 30% xe buýt dùng điện); mục tiêu trở thành trung tâm logistics liên vùng của khu vực Tây Nguyên.

c) Nâng cao hiệu quả đầu tư và đóng góp của TFP

- Xây dựng bộ chỉ tiêu theo dõi năng suất lao động, thời gian thi công, chi phí trên

một đơn vị công trình, tỷ lệ sử dụng vật liệu tái chế, mức tiết kiệm năng lượng, nước và tỷ lệ số hóa dự án.

- Yêu cầu các dự án lớn lượng hóa rõ phần tiết kiệm chi phí, rút ngắn tiến độ và giá trị tăng thêm từ ứng dụng công nghệ, mô hình thông tin công trình, vật liệu mới, thiết bị tự động và quản trị số.

- Gắn lựa chọn chủ đầu tư, tư vấn và nhà thầu với năng lực công nghệ, kinh nghiệm thực hiện công trình xanh, công trình số và khả năng kiểm soát tiến độ, chi phí, chất lượng.

- Đào tạo kỹ sư, kiến trúc sư, cán bộ quản lý dự án và lực lượng lao động có kỹ năng về mô hình thông tin công trình, công trình xanh, vật liệu mới, quản lý đô thị thông minh và công nghệ thi công hiện đại; tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và đơn vị nghiên cứu.

1.3.3. Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) *Lĩnh vực trồng trọt*: Phát triển trồng trọt theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, nông nghiệp xanh, hữu cơ, công nghệ cao, tuần hoàn và đa giá trị; sản phẩm có sức cạnh tranh, đảm bảo an toàn thực phẩm, gia tăng giá trị xuất khẩu; sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, phòng, chống có hiệu quả thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo việc làm mới, đảm bảo sinh kế, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống cho nông dân góp phần vào tăng trưởng, phát triển kinh tế, ổn định xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh. Đến năm 2030, tổng diện tích gieo trồng khoảng 779.000 ha. Tổng sản lượng lương thực năm 2030 đạt 1.337.120 tấn. Diện tích, sản lượng một số cây trồng chính như sau: Lúa: 162.500 ha, sản lượng 1.046.860 tấn; Ngô: 49.200 ha, sản lượng 290.260 tấn; Sắn: 80.000 ha, sản lượng 2.057.300 tấn; Lạc: 19.000 ha, sản lượng 70.380 tấn; Rau các loại: 58.500 ha, sản lượng 1.010.880 tấn; Cao su: 76.660 ha, sản lượng 91.650 tấn; Cà phê: 110.000 ha, sản lượng 369.828 tấn; Điều: 36.000 ha, sản lượng 38.160 tấn; Cây hồ tiêu: 10.610 ha, sản lượng 30.200 tấn; Cây dừa: 9.500 ha, sản lượng 136.250 tấn; Cây ăn quả: 63.850 ha.

- Tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên diện tích đất trồng lúa, sắn, mía, điều,... kém hiệu quả sang phát triển diện tích rau, đậu đỗ các loại, cây ăn quả, cây dược liệu và các cây trồng khác có giá trị kinh tế cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với nhu cầu thị trường ở những chân đất thích hợp và dành một phần quỹ đất để phát triển các khu, vùng, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Tăng cường kết nối phát triển vùng nguyên liệu các cây trồng hàng hóa có thể mạnh của các địa phương trong tỉnh gắn với các cơ sở, nhà máy chế biến; đảm bảo nông sản hàng hóa đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Tổ chức lại sản xuất trồng trọt theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên canh, hình thành và phát triển các vùng nguyên liệu cây trồng hàng hóa đạt chuẩn, sản xuất theo hợp đồng kinh tế gắn với thị trường tiêu thụ và xuất khẩu.

b) *Lĩnh vực chăn nuôi*: Tiếp tục phát triển chăn nuôi theo hướng ứng dụng công nghệ cao, hiện đại, đồng thời đẩy mạnh chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi truyền thống theo hướng sản xuất hàng hóa; tập trung phát triển chăn nuôi trang trại công nghiệp với quy mô lớn, giảm tỷ lệ chăn nuôi nông hộ; ứng dụng công nghệ số trong chăn nuôi, giám sát dịch bệnh, an toàn

thực phẩm, bảo vệ môi trường; đẩy mạnh xây dựng vùng, chuỗi, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh; mở rộng phát triển chăn nuôi theo các tiêu chuẩn. Phát huy tiềm năng, lợi thế của các vùng sinh thái để phát triển chăn nuôi hiệu quả, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng các vùng chăn nuôi trọng điểm, tạo vùng nguyên liệu đảm bảo chất lượng, gắn với phát triển các liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi, tập trung phát triển chăn nuôi ở khu vực phía Tây tỉnh.

Tập trung phát triển chăn nuôi đối với 03 loại vật nuôi chủ lực của tỉnh là bò, lợn, gia cầm; tăng tỷ lệ giống có năng suất, chất lượng cao, nâng cao trọng lượng thịt hơi xuất chuồng.

Đến năm 2030, đàn bò khoảng 860.000 con; đàn lợn khoảng 3.000.000 con; đàn gia cầm khoảng 22 triệu con; sản lượng thịt bò hơi 131.760 tấn, thịt lợn hơi 541.500 tấn, thịt gia cầm 78.035 tấn. Ngoài các vật nuôi chủ lực, tiếp tục mở rộng phát triển các vật nuôi khác như: tằm, ong, yến, dê và các sản phẩm chăn nuôi đặc sản. Phấn đấu kêu gọi đầu tư xây dựng mới 10 - 15 cơ sở giết mổ động vật tập trung trên địa bàn tỉnh.

c) Lĩnh vực thủy sản

Thời gian đến, Gia Lai định hướng phát triển ngành thủy sản theo hướng đa dạng, bao gồm thủy sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn; đồng thời, hiện đại hóa đội tàu cá, sắp xếp lại nghề cá, hoạt động khai thác và chuyển đổi sinh kế phù hợp cho ngư dân.

Đầu tư, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác, nuôi trồng bền vững và chế biến thủy sản. Chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản có ảnh hưởng lớn đến nguồn lợi, môi trường, hệ sinh thái sang các nghề khai thác hải sản có ảnh hưởng ít hơn hoặc chuyển sang các ngành nghề khác. Phát triển ngành thủy sản theo hướng phát triển vùng nuôi sinh thái, thâm canh tập trung ứng dụng công nghệ cao, phát triển nuôi biển, nuôi thủy sản nước ngọt; giảm dần sản lượng khai thác ven bờ, nâng cao hiệu quả khai thác xa bờ phù hợp với trữ lượng nguồn lợi, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Phát huy tiềm năng, lợi thế về diện tích mặt nước hồ chứa thủy lợi, thủy điện để khai thác hiệu quả, phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, nâng cao giá trị. Đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực khai thác, nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi tôm công nghệ cao, chế biến hải sản xuất khẩu.

Về khai thác thủy sản: Giảm sản lượng khai thác thủy sản theo hướng phát triển bền vững bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nâng cao giá trị sản phẩm, giảm tổn thất sản phẩm sau thu hoạch, áp dụng khai thác theo công nghệ cao.

Về nuôi trồng thủy sản: Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh tập trung, đa dạng hóa đối tượng nuôi, ứng dụng công nghệ cao đảm bảo hiệu quả, bền vững.

Đến năm 2030, sản lượng khai thác khoảng 250.000 tấn, nuôi trồng 40.000 tấn; nâng cao thu nhập, đào tạo lao động ngành. Kiểm soát toàn bộ diện tích nuôi thâm canh về môi trường, an toàn dịch bệnh; tái tạo nguồn lợi, bảo tồn đa dạng sinh học.

d) Lĩnh vực lâm nghiệp: Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững; hình thành bể chứa carbon khu vực hướng tới thị trường trong nước và quốc tế. Phát triển trồng rừng gỗ lớn gắn với chứng chỉ rừng đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến gỗ và thị trường lâm sản, carbon rừng. Xây dựng kế hoạch giải quyết tình trạng sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp đảm bảo phù hợp mục đích sản xuất lâm

nghiệp, tăng diện tích rừng trồng. Phát triển sản xuất giống cây lâm nghiệp công nghệ cao (công nghệ nuôi cấy mô), chú trọng cây gỗ lớn. Phát triển giá trị đa dụng hệ sinh thái rừng, như: Phát triển lâm sản ngoài gỗ; phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng,...

Giai đoạn 2026-2030, phấn đấu diện tích rừng trồng tập trung và trồng cây phân tán đạt 125.000 ha; trong đó, có trên 20.170 ha rừng gỗ lớn (*trồng mới trên 1.466 ha và trồng lại sau khai thác trên 18.704 ha*). Sản lượng khai thác đạt khoảng 10.758.000 m³. Sản xuất trên 1.150 triệu cây giống lâm nghiệp.

1.3.4. Ngành dịch vụ

a) Phát triển thương mại nội địa

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về thương mại, đặc biệt là triển khai có hiệu quả các quy hoạch về hạ tầng thương mại đảm bảo cơ hội phát triển của các doanh nghiệp thương mại và lợi ích của người tiêu dùng; tổ chức, quản lý tốt các kênh lưu thông hàng hóa; theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường, giá cả, cung cầu hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

- Kêu gọi thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại hiện đại, nhất là các trung tâm mua sắm lớn, tăng cường mạng lưới thương mại vùng sâu, vùng xa. Tăng cường gắn kết lưu thông với sản xuất, đẩy mạnh liên kết chuỗi nhằm kết nối cung cầu, đảm bảo ổn định đầu vào đầu ra.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại nội địa và khuyến khích tiêu dùng nội địa nhằm hỗ trợ người tiêu dùng, các doanh nghiệp tại địa phương thông qua Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; hình thành và phát triển các kênh tiêu thụ nông sản bền vững. Tăng cường trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm mở rộng phát triển thị trường cho các cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên đầu tư phát triển mạng lưới các siêu thị bán buôn và bán lẻ, các trung tâm thương mại, trung tâm phân phối, sàn giao dịch, chợ dân sinh, cửa hàng tiện lợi... đặc biệt là kết nối thị trường tìm đầu ra cho các mặt hàng nông sản của tỉnh thông qua các chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh và xúc tiến thương mại quốc gia.

- Đẩy mạnh hỗ trợ phát triển thương mại điện tử (TMĐT), hỗ trợ hình thành một số mô hình TMĐT điểm; tuyên truyền nâng cao nhận thức về TMĐT; đẩy mạnh ứng dụng TMĐT hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh, mở rộng tiêu thụ hàng hóa nội địa và thúc đẩy phát triển TMĐT tại địa phương; đa dạng hóa các phương thức phân phối, tạo sự gắn kết giữa TMĐT với các loại hình thương mại truyền thống, khuyến khích thương nhân ứng dụng TMĐT trong giới thiệu, mua bán hàng hóa, dịch vụ.

- Tăng cường công tác phối hợp kiểm tra, kiểm soát, quản lý thị trường đảm bảo bình ổn thị trường, giá cả; phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng; quản lý chặt chẽ hoạt động kinh doanh đa cấp và các hoạt động kinh doanh trên môi trường điện tử, internet, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, minh bạch và an toàn cho người tiêu dùng; thực hiện đầy đủ việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh các mặt hàng cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh theo quy định...

b) Phát triển thương mại biên giới

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý và phát triển hạ tầng thương mại biên giới; nâng cao hiệu quả quản lý hạ tầng thương mại biên giới. Tăng cường hợp tác với lực lượng chức năng quản lý hạ tầng thương mại biên giới của tỉnh biên giới Campuchia, xây dựng và củng cố các cơ chế phối hợp song phương trong quản lý hạ tầng thương mại biên giới.

- Khai thác hiệu quả hoạt động của Khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh, tăng cường thu hút đầu tư cho hạ tầng thương mại biên giới như: Chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, kho hàng hoá, hạ tầng logistic. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng cho thương mại biên giới.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân lực làm công tác quản lý hạ tầng thương mại biên giới.

c) Về hội nhập kinh tế quốc tế

- Triển khai thực hiện các chương trình hành động, kế hoạch hành động thực hiện các FTA và các cam kết, hợp tác về hội nhập để tập trung triển khai thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã thỏa thuận để hướng tới xuất nhập khẩu mang tính cân bằng hơn, đảm bảo thị trường ổn định, lâu dài, nâng cao hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế.

- Tiếp tục thông tin tuyên truyền, phổ biến các Hiệp định FTA, đặc biệt là các Hiệp định FTA thế hệ mới và thị trường của các nước; hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu tìm kiếm, mở rộng thị trường mới tiềm năng; tiếp tục củng cố, nắm vững các quy định để tận dụng các cơ hội, khắc phục những hạn chế, thách thức, khai thác, phát huy tối đa các lợi thế của các Hiệp định FTA mà Việt Nam đã ký kết.

d) Đối với hoạt động xuất khẩu

- Thường xuyên theo dõi sát thông tin thị trường, đưa ra cảnh báo sớm cho hiệp hội, doanh nghiệp để có phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp, giảm thiểu rủi ro. Hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm, đa dạng hóa và mở rộng thị trường xuất khẩu, giảm thiểu tác động từ các chính sách bảo hộ thương mại và các biện pháp phòng vệ của các nước, đảm bảo duy trì sản xuất và xuất khẩu bền vững, đáp ứng yêu cầu của thị trường. Chủ động cập nhật tình hình xuất khẩu, thường xuyên trao đổi với doanh nghiệp để nắm bắt nhu cầu hỗ trợ thị trường, cung cấp thông tin về nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp với Bộ Công Thương và hệ thống Thương vụ Việt Nam tại các Hội nghị giao ban hàng tháng.

- Phát triển hệ thống logistics, dịch vụ logistics phát huy lợi thế kinh tế biển, khai thác vị trí thuận lợi cũng như thế mạnh hạ tầng giao thông vận tải đa phương thức, phục vụ kết nối liên vùng và quốc tế theo Đề án đầu tư phát triển hệ thống logistics tỉnh Gia Lai được phê duyệt.

e) Về du lịch:

- Xây dựng và triển khai Đề án phát triển du lịch tỉnh giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2045.

- Phát triển du lịch bền vững, gắn với bảo vệ môi trường và quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học.

- Tập trung phát triển thị trường khách du lịch để nâng cao sức cạnh tranh và khẳng định thương hiệu điểm đến; thu hút khách từ thị trường trọng điểm thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, mở rộng ra các vùng tiềm năng trong nước, chú trọng thị trường quốc tế

Châu Á - Thái Bình Dương, Bắc Mỹ, Châu Âu. Tăng cường thu hút khách du lịch quốc tế đến tỉnh thông qua các chuyến bay charter và phát triển du lịch tàu biển quốc tế. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển, núi, hồ; phát triển du lịch di sản, sinh thái, nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe; du lịch cộng đồng, nông nghiệp; du lịch MICE, khoa học; phát triển kinh tế ban đêm. Đầu tư tổ chức sự kiện thể thao, lễ hội tầm quốc tế. Phát huy giá trị các di tích, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đặc trưng phục vụ du lịch.

- Xây dựng thương hiệu du lịch “biển - rừng, bản sắc duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên”; đẩy mạnh phát triển du lịch thông minh, số hóa cơ sở dữ liệu du lịch, công nghệ thông tin, ứng dụng QR code đa ngữ, hình thành điểm đến thông minh. Thúc đẩy liên kết và hợp tác trong phát triển du lịch.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch; chú trọng đội ngũ hướng dẫn viên, lao động trực tiếp tại cơ sở du lịch, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, ngoại ngữ và ứng xử văn minh; gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn, bảo đảm hiệu quả và bền vững. Xây dựng môi trường du lịch văn minh, thu hút đầu tư xây dựng khu vực bán đảo Phương Mai và Biển Hồ - Chu Đăng Ya trở thành Khu du lịch quốc gia.

g) *Phát triển vận tải và dịch vụ logistics* đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hóa, có kết cấu hạ tầng đồng bộ dọc theo cao tốc Bắc - Nam, cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, đường sắt tốc độ cao, đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 19, 19C, 19B, 25 và khu vực Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, cảng biển Quy Nhơn, các cảng biển thuộc khu bến Hoài Nhơn, Phù Mỹ, cảng hàng không Phù Cát, Pleiku, khu vực Canh Vinh, dọc các tuyến đường tỉnh ĐT.638, ĐT.639...; đồng thời đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ trong hoạt động vận tải, dịch vụ logistic gắn liền cảng biển, sân bay. Quy hoạch xây dựng trung tâm logistics mới có công suất khoảng 500.000 TEU tại Phù Cát. Phát triển khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh là mắt xích (HUB) logistics, văn hóa, du lịch quan trọng trên hành lang xuyên Á Đông - Tây (QL.19) cửa ngõ kết nối vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

h) Thu ngân sách nhà nước

- Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước; bám sát từng chỉ tiêu thu ngân sách đã được HĐND tỉnh giao hàng năm; xây dựng kế hoạch thu chi tiết và thường xuyên theo dõi chặt chẽ tiến độ thu trên từng địa bàn, kịp thời theo dõi, phân tích, đánh giá, phân loại cụ thể từng sắc thuế, từng ngành, từng lĩnh vực và từng đối tượng để có biện pháp quản lý thu phù hợp hơn, đảm bảo thu đúng, thu đủ.

Đối với thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất: thường xuyên nắm bắt, theo dõi sát tình hình thực hiện hàng tháng, hàng quý và dự báo chính xác số thu nộp vào ngân sách; đề ra các giải pháp chỉ đạo, điều hành, cụ thể: (i) đôn đốc các đơn vị quản lý, khai thác quỹ đất tổ chức thực hiện công tác đấu giá, đấu thầu đối với các quỹ đất theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt; (ii) kịp thời hướng dẫn các nhà đầu tư thực hiện và hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định của pháp luật có liên quan, phân loại, đánh giá khả năng thực hiện và đề xuất giải pháp, biện pháp nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đạt và vượt dự toán Chính phủ, HĐND tỉnh giao hàng năm.

- Xây dựng quy chế phối hợp trong công tác thu, nộp ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh giữa các Sở, Ban, ngành và UBND các xã, phường nhằm tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các ngành, các cấp trong công tác quản lý thu, nộp Ngân sách Nhà nước đảm bảo thu ngân sách đạt chỉ tiêu được giao.

- Tổ chức điều hành ngân sách theo dự toán đã được HĐND tỉnh quyết nghị, theo đó: (i) ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quan trọng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo chi đầu tư phát triển, nhất là các công trình trọng điểm, cấp thiết; (ii) đảm bảo thực hiện các cơ chế chính sách theo Chương trình hành động của Tỉnh ủy và thực hiện các nhiệm vụ cấp thiết theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; (iii) định kỳ đánh giá, dự báo tình hình thu, chi ngân sách, kịp thời đề xuất những biện pháp, giải pháp điều hành ngân sách đạt hiệu quả theo kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2026-2030 của tỉnh.

- Tập trung huy động, ưu tiên các nguồn lực đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, nhất là giao thông kết nối vùng, kết nối các khu, cụm công nghiệp, hệ thống thủy lợi khu vực phía Tây tỉnh,...

1.3.5. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, phát triển các khu vực doanh nghiệp, các mô hình kinh tế mới

- Tiếp tục thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống từ đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu và phát triển mạnh mẽ các ngành, lĩnh vực, mô hình kinh tế mới.

- Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Thực hiện chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu lớn (Bigdata), ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) tạo đột phá trong thực hiện dịch vụ công. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển, cung cấp dịch vụ công.

- Tập trung thu hút đầu tư vào các lĩnh vực chính, gồm: Công nghiệp công nghệ cao; du lịch và dịch vụ; nông nghiệp công nghệ cao; dịch vụ logistics; kinh tế đô thị; công nghệ cao và đổi mới sáng tạo; y tế, giáo dục. Ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ hiện đại, có hàm lượng trí thức cao, thân thiện với môi trường sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, tạo sản phẩm mang lợi thế cạnh tranh; tập trung nhóm các nhà đầu tư có công nghệ sạch và cao của Nhật Bản, Hàn Quốc, các quốc gia Châu Âu, Bắc Mỹ...

- Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị gắn với Đề án phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035; chú trọng phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, doanh nghiệp trong các ngành có tiềm năng, thế mạnh của địa phương; thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; đồng thời, quan tâm thực hiện các giải pháp để phát huy vai trò của kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế hộ.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước, khẳng định vai trò chủ đạo, dẫn dắt, định hướng; đẩy mạnh cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

- Thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài; đổi mới chính sách thu hút FDI theo hướng chuyển từ trọng tâm ưu đãi thuế sang các chính sách ưu đãi khác, áp dụng ưu đãi sau – ưu đãi theo kết quả; chú trọng thúc đẩy chuyển giao công nghệ, kết nối giữa khu vực FDI với khu vực trong nước; đầu tư hiệu quả ra nước ngoài.

1.4. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản của Trung ương, của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Triển khai Đề án phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và an ninh mạng trên địa bàn tỉnh. Kết nối Trung tâm Khám phá khoa học và Đổi mới sáng tạo của tỉnh với các Trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trên cả nước. Dự án Nâng cao tiềm lực nghiên cứu và ứng dụng công nghệ không gian và viễn thám cho Trung tâm Khám phá khoa học và Đổi mới sáng tạo; Khu công nghệ số tập trung; Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh; Phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ sinh học, Phòng thí nghiệm bán dẫn và các tổ chức nghiên cứu phát triển công lập khác.

- Thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài đối với các lĩnh vực theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, an toàn và an ninh mạng giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cấp Trung tâm điều hành thông minh (IOC), Trung tâm điều hành an ninh mạng (SOC); tạo lập, hoàn thành các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các cơ sở dữ liệu dùng chung của các địa phương, bảo đảm kết nối liên thông theo mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị.

- Triển khai Đề án “Phát triển kinh tế dữ liệu và công nghiệp dữ liệu” trên địa bàn tỉnh, khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ khai thác dữ liệu mở để tạo ra các dịch vụ/sản phẩm mới.

- Triển khai cơ chế đặt hàng các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, giải quyết các bài toán trọng điểm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của tỉnh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững.

- Mở rộng đào tạo nhân lực nhóm ngành “Vật liệu tiên tiến, robot và tự động hóa” gắn trực tiếp với định hướng cơ cấu lại ngành công nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh.

- Triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chính sách, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động, phát triển tài sản trí tuệ, xây dựng thương hiệu và khai thác giá trị sáng chế, giải pháp hữu ích. Có chính sách ưu đãi, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp tại Gia Lai. Triển khai sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics.

- Triển khai hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn và các công nghệ chiến lược khác. Tiếp tục hỗ trợ, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành (ICISE). Xây dựng cơ sở dữ liệu về chuyên gia, trí thức trong và ngoài nước; có cơ chế, chính sách để thu hút, huy động sự tham gia của đội ngũ chuyên gia, trí thức, nhà khoa học, doanh nhân đối với các dự án, đề án, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Nghiên cứu hình thành Quỹ đầu tư mạo hiểm theo quy định tại Nghị định số 264/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ.

- Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số; đẩy mạnh phát triển đồng bộ chính quyền số,

nền kinh tế số và xã hội số. Tập trung triển khai ba trụ cột quan trọng: Hoàn thiện hạ tầng số, phát triển công nghiệp công nghệ số và xây dựng chính quyền số thông minh, hướng tới mục tiêu đẩy mạnh công cuộc chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn.

- Bảo đảm hạ tầng băng thông rộng đến trung tâm các xã. Đồng thời, tập trung triển khai mạng 5G, phân đầu vào nhóm 20 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Hạ tầng số được nâng cấp đồng bộ, đáp ứng yêu cầu triển khai chính quyền số.

- Tập trung thu hút đầu tư, triển khai các dự án, đề án trọng điểm về công nghệ số để triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW; phân đầu đến năm 2030, từng bước đưa Gia Lai trở thành trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực. Tập trung hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, thúc đẩy việc khai thác, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị, nhằm hỗ trợ hiệu quả quá trình ra quyết định trong quản lý và điều hành.

1.5. Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Tiếp tục cụ thể hóa các chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành các chương trình, đề án cụ thể, sát với tình hình thực tiễn của tỉnh. Rà soát, ban hành quy định cơ chế khuyến khích, đãi ngộ trí thức, văn nghệ sĩ, nghệ nhân và những tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật nhằm phát huy tài năng, năng lực sáng tác, quảng bá văn hóa, nghệ thuật, truyền dạy di sản trong cộng đồng, đồng thời phát triển sâu rộng hoạt động văn hóa, nghệ thuật quần chúng.

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng, sản phẩm văn hóa hướng đến phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh như xây dựng nâng cấp các thiết chế văn hóa, huy động sức dân để xây dựng, nâng cấp và sử dụng có hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, ưu tiên đầu tư nguồn lực cho việc bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống, khai thác các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của tỉnh phục vụ cho hoạt động và phát triển du lịch.

- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Xây dựng, tổ chức hoạt động có hiệu quả phong trào văn hóa nghệ thuật tại địa phương. Chú trọng phát triển văn hóa đặc trưng trong từng lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội trên địa bàn. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua về văn hóa.

- Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc. Tập trung đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch. Nâng cao chất lượng công tác sưu tầm, nghiên cứu, kiểm kê, phân loại di sản văn hóa phi vật thể; thực hành và truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể.

- Tăng cường phối hợp trong thanh tra, kiểm tra, quản lý hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa, hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo. Chủ động đấu tranh với những hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa, những biểu hiện phi văn hóa, góp phần bảo vệ, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Tăng cường các hoạt động hợp tác, giao lưu văn hóa, nghệ thuật, các hoạt động thông tin đối ngoại giữa tỉnh Gia Lai với các tỉnh của các nước trong khu vực và thế giới nhất là các tỉnh đã có quy chế kết nghĩa và có quan hệ ngoại giao; đa dạng các hình thức đối ngoại văn hóa, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa Gia Lai.

- Đầu tư xây dựng các công trình thể thao trọng điểm phục vụ đăng cai sự kiện và huấn luyện thành tích cao, ưu tiên xây dựng Nhà thi đấu đa năng đạt chuẩn quốc tế để tổ chức sự kiện thể thao đẳng cấp quốc tế; đồng thời, phát triển công trình thể thao cộng đồng tại các xã, phường gắn với bảo tồn và phát huy các môn thể thao truyền thống dân tộc. Thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tài trợ các dự kiện thể thao, hỗ trợ tài năng thể thao.

1.6. Hiện đại hoá nền giáo dục quốc dân, nâng cao chất lượng đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài

- Tiếp tục hoàn thiện và triển khai mô hình điểm theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị: Đề án phát triển giáo dục STEM trên địa bàn tỉnh; Hệ thống quản lý trường học, kho dữ liệu số, bài giảng điện tử và nền tảng dạy học trực tuyến.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 281/NQ-CP, ngày 15/9/2025 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục, đào tạo giai đoạn 2026 - 2035.

- Tiếp tục rà soát, triển khai thực hiện Đề án Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú giai đoạn 2026 - 2030; hoàn thành xây dựng các trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới trước 30/8/2026.

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kiên cố hóa trường, lớp học bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chú trọng đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM, không gian vui chơi và rèn luyện thể chất, nhà công vụ.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng nền tảng số toàn diện cho giáo dục, thống nhất chuẩn đầu vào của các ngành đào tạo, cơ sở đào tạo và kiểm soát chặt chẽ chất lượng đầu ra. Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục; thúc đẩy học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên bảo đảm cơ cấu, số lượng, chất lượng, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

- Hiện đại hóa giáo dục nghề nghiệp, ưu tiên đầu tư các trường cao đẳng chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế. Huy động các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề, thúc đẩy liên kết nhà trường và doanh nghiệp. Chú trọng chương trình, phương thức đào tạo đáp ứng yêu cầu của thị trường, bảo đảm hiệu quả, thực chất.

- Hợp tác, kết nối và liên kết vùng nhằm phát triển giáo dục và đào tạo.

1.7. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hoá và phát triển đô thị, liên kết vùng

- Tích cực huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, thông minh; liên kết vùng, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Huy động hiệu quả nguồn lực đầu tư một số công trình trọng điểm về quản lý nhà nước; đầu tư nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc các cơ quan, đơn vị địa phương.

- Triển khai thực hiện quy hoạch và các đề án phát triển giao thông nhằm phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh, nhất là hạ tầng hàng không, đường sắt (bao gồm đường sắt đô thị), đường bộ và cảng biển.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan Trung ương hoàn thành xây dựng tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông qua địa bàn tỉnh; thực hiện hoàn thành Tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku và tiếp tục đề xuất Trung ương đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc đoạn Pleiku - Lệ Thanh; phối hợp với các cơ quan Trung ương triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án Cao tốc Bắc - Nam phía Tây qua Tây Nguyên; phối hợp thực hiện Dự án tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam. Quan tâm đầu tư hệ thống hạ tầng phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; các dự án cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Về hàng hải và Đường sắt: Phát triển Bến cảng Phù Mỹ (đón tàu 150.000 tấn) vào năm 2028; quy hoạch hệ thống đường sắt đô thị gồm 7 tuyến kết nối các trung tâm công nghiệp, du lịch. Về Logistics xuyên biên giới: Kêu gọi đầu tư các cảng cạn, đặc biệt là Cảng cạn Lệ Thanh để kết nối với Campuchia” để phù hợp theo mô hình tăng trưởng mới ngành xây dựng.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp các hồ chứa, công trình thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, bảo đảm nhu cầu nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, nước sinh hoạt. Đầu tư, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác, nuôi trồng bền vững và chế biến thủy sản. Đầu tư hệ thống hạ tầng phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Phát triển hạ tầng năng lượng gắn với từng bước đầu tư các trung tâm tích trữ điện, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế cao.

- Phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, thông minh đi đôi với phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông; ưu tiên đầu tư hạ tầng số đi trước một bước. Đẩy mạnh phát triển trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ 4.0 và công nghiệp bán dẫn, coi đây là động lực quan trọng để phát triển kinh tế số, xã hội số và chính quyền số.

- Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng y tế, giáo dục và văn hóa xã hội.

- Rà soát, thống kê, phân loại tổng thể các dự án tồn đọng (kể cả các dự án trong và ngoài ngân sách), những vấn đề

- Triển khai hiệu quả Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

** Định hướng phát triển vùng trong thời gian tới:*

- Khu vực đô thị: Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hóa và kinh tế đô thị. Phát triển đô thị theo hướng đô thị nén - đô thị sinh thái; chú trọng mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng (TOD); quy hoạch, khai thác hiệu quả không gian ngầm. Mở rộng các loại hình nhà ở, ưu tiên đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội,

nhà ở cho công nhân.

- Khu vực cao nguyên và đồng bằng: Tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh xây dựng các khu đô thị, khu dân cư theo quy hoạch. Xây dựng một số mô hình làng nghề truyền thống, khôi phục các làng nghề và các khu sinh hoạt cộng đồng gắn với bản sắc văn hóa các dân tộc để thu hút du khách, phát triển các khu du lịch cộng đồng.

- Khu vực miền núi và biên giới: Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035. Huy động hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là tại các làng xa trung tâm xã.

- Khu vực biển và ven biển: Xác định ven biển là vùng động lực tạo đột phá cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Phát triển các ngành du lịch và dịch vụ biển; nuôi trồng và khai thác hải sản; công nghiệp ven biển; năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế mới. Tiếp tục đầu tư phát triển hành lang giao thông đường bộ ven biển, đô thị ven biển và hoàn thiện kết cấu hạ tầng làm cơ sở phát triển các hoạt động kinh tế biển.

- Khu vực cửa khẩu: Phát triển Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh là đầu mối kết nối hàng hóa, du lịch, dựa trên các dịch vụ về thương mại, du lịch cửa khẩu, logistics, kho bãi, sản xuất nông cụ, chế biến nông, lâm sản và trao đổi văn hóa, triển lãm quốc tế.

1.8. Quản lý phát triển xã hội bền vững; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

- Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả; tập trung công tác phòng bệnh, khám, chữa bệnh, kiểm soát tốt dịch bệnh. Tổ chức lại, nâng cao năng lực của hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng; hình thành, phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu hiện đại trên địa bàn tỉnh. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển. Tăng cường chăm sóc, bảo vệ sức khỏe người cao tuổi, người khuyết tật và trẻ em.

Tổ chức phối hợp giữa các hoạt động khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí, kiểm tra sức khỏe của học sinh, sinh viên, khám bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe cho người lao động theo quy định và khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế để khám bệnh miễn phí và hoàn thành việc tạo lập sổ sức khỏe điện tử cho toàn bộ người dân trên địa bàn tỉnh trong năm 2026 (thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế).

- Tạo việc làm phải gắn với mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao tay nghề, thu nhập cho người lao động. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, từng bước giảm tỷ lệ lao động trong khu vực phi chính thức; thực hiện giảm tỷ trọng lao động ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng lao động có việc làm trên địa bàn tỉnh; tăng cơ hội việc làm bền vững cho người trong và sau độ tuổi lao động để thích ứng với tốc độ già hóa dân số. Mở rộng tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn.

- Phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập; phòng, chống hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong thực hiện các dịch vụ liên quan đến thị trường lao động như: Tư vấn, giới thiệu việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, cho thuê lại lao động... Hiện đại hóa, chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung - cầu, quản lý nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc làm.

- Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; tăng cường đối thoại, thương lượng, ký kết lao động tập thể trong doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp lao động đúng pháp luật. Thực hiện nghiêm chỉnh sách, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực có nguy cơ cao, trong các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Chú trọng phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế, bao phủ được toàn bộ lực lượng lao động; tiếp tục cải cách, mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội, tạo cơ hội tham gia và bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động. Thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật. Tích cực vận động người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; tập trung khai thác mạnh nhóm đối tượng trong độ tuổi lao động, có thu nhập ổn định. Có chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho nông dân, người nghèo, người thu nhập thấp, lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm xã hội tại các đơn vị sử dụng lao động, chấn chỉnh kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

- Xây dựng cơ chế, chính sách, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình mục tiêu, dự án hỗ trợ các xã xây dựng nông thôn mới hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập người dân nông thôn.

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; các chính sách hỗ trợ về y tế, giáo dục, thông tin, nhà ở, nước sinh hoạt, vệ sinh; hỗ trợ phát triển sản xuất, đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động nhằm bảo đảm an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo và thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh; tiếp tục đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở và cộng đồng về triển khai thực hiện công tác dân tộc và tôn giáo.

- Phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, rút ngắn dần khoảng cách phát triển với bình quân chung của tỉnh; bảo đảm sinh kế bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; củng cố hệ thống chính trị cơ sở, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; cộng đồng các dân tộc cùng phát triển, cùng hưởng thụ thành quả phát triển.

- Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người theo đúng Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo hoạt động ổn định, đúng pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết các tôn giáo, phát huy vai trò tích cực và nguồn lực của các tôn giáo trong đời sống xã hội, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; kết hợp chính sách tín ngưỡng, tôn giáo với chính sách phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, không để xảy ra việc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo ảnh hưởng tình hình an ninh chính trị, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

1.9. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Tỷ lệ che phủ rừng

- Bảo vệ rừng, phát triển rừng, cải tạo rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, phục hồi rừng góp phần phát triển lâm nghiệp bền vững. Phấn đấu tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030 đạt trên 46,5%.

- Quản lý, bảo vệ 100% diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng hiện có. Thực hiện quyết liệt các biện pháp bảo vệ rừng và PCCC, hạn chế tối đa tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật và mua bán, vận chuyển, tàng trữ, chế biến lâm sản, động vật hoang dã trái pháp luật, chống người thi hành công vụ; lập hồ sơ xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

- Chú trọng công tác phát triển rừng, cải tạo rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, phục hồi rừng.

- Đẩy mạnh công tác trồng rừng sau khai thác rừng trồng, trồng rừng mới trên đất trống, đồi núi chưa có rừng.

- Kiểm soát chặt chẽ, hạn chế tối đa việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, nhất là đối với rừng tự nhiên.

- Tăng cường công tác kiểm tra, phát hiện ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi xâm hại tài nguyên rừng.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật để nâng cao nhận thức của các tầng lớp xã hội, góp phần phát triển lâm nghiệp bền vững.

b) Nước sạch nông thôn

Nâng cao tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt 99,8%; trong đó, tỷ lệ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn đạt tối thiểu 67,5%.

- Tập trung vào các công trình, dự án sau:

+ Các công trình đầu tư giai đoạn 2021-2025, đưa vào khai thác, vận hành, như: Nâng cấp mở rộng cấp nước sinh hoạt xã Nhơn Tân; Cấp nước xã Cát Tài; Cấp nước Sông vô và xã An Trung; Nâng cấp mở rộng cấp nước sinh hoạt huyện Phù Cát (cấp cho xã Cát Hải); Nâng cấp mở rộng cấp nước thị trấn Vĩnh Thạnh cũ; Cấp nước ven biển huyện Phù Mỹ cũ (giai đoạn 1), Cấp nước sinh hoạt Tây Bắc Phù Cát và Tây Nam huyện Phù Mỹ cũ (giai đoạn 1); Hệ thống cấp nước sinh hoạt các xã phía Bắc huyện Tây Sơn cũ (giai đoạn 1);

Cấp nước Ân Thạnh - Ân Đức; Cấp nước Cát Trinh và Cát Tân; Mở mạng cấp nước xã Phước Mỹ cũ; Sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp nước huyện Vĩnh Thạnh cũ (cấp xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Quang và Vĩnh Thịnh); hoàn thiện hệ thống mạng đường ống cấp nước Bình Nghi, cấp nước Mỹ Lợi (ước tăng thêm khoảng 21.400 hộ, phân đầu khoảng 31.200 hộ), Công trình cấp nước sạch xã Ia Rô.

+ Giai đoạn 2026 – 2030, phát triển cấp nước, chủ yếu tập trung các dự án trọng yếu sau: Cấp nước ven biển huyện Phù Mỹ cũ (giai đoạn 2); Cấp nước sinh hoạt Tây Bắc Phù Cát và Tây Nam huyện Phù Mỹ cũ (giai đoạn 2); Hệ thống cấp nước sinh hoạt các xã phía Bắc huyện Tây Sơn cũ (giai đoạn 2); Cấp nước xã Ân Phong cũ; Cấp nước sinh hoạt xã Phước An và Phước Thành cũ; Nâng cấp nhà máy nước sạch huyện Phú Thiện và huyện Ia Pa cũ; Nâng cấp nhà máy nước sạch huyện Krông Pa cũ; Nâng cấp Công trình cấp nước sạch xã Đông, xã Nghĩa An huyện Kbang cũ; Nâng cấp cải tạo nhà máy nước Đăk Pơ;... Đồng thời, tiếp tục mở mạng, phát triển cấp nước các công trình hiện có, các công trình cấp nước đô thị cấp cho các xã lân cận, vận động đầu nôi để nâng tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch.

c) Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung

Phân đầu tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt trên 91,3%.

Xây dựng kế hoạch thực hiện chỉ tiêu tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống tập trung hằng năm và giai đoạn 2025–2030. Trong đó, phân giao chỉ tiêu cụ thể (số hộ đầu nôi) cho từng tổ dân phố; đồng thời giao chỉ tiêu cho các địa phương để vận động, khuyến khích người dân sử dụng nước sạch. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi việc triển khai kế hoạch. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp hạn chế khai thác, sử dụng nước ngầm; tăng cường quản lý, ngăn chặn tình trạng khai thác nước ngầm tự phát, trái phép.

Triển khai thực hiện một số công trình cấp nước sau: Cấp nước sinh hoạt phường Hoài Đức, thị xã Hoài Nhơn (nay là phường Bồng Sơn); Nhà máy cấp nước Nhơn Hậu, Nhơn Mỹ (nay là phường An Nhơn); Nâng cấp công trình cấp nước 03 xã Khu Đông An Nhơn; mạng lưới cấp nước cho các khu vực thuộc thành phố Quy Nhơn cũ: xã Phước Mỹ (nay thuộc phường Quy Nhơn Tây), khu vực 1 phường Ghềnh Ráng (nay thuộc phường Quy Nhơn Nam), khu vực 9 phường Hải Cảng (nay thuộc phường Quy Nhơn); mở rộng mạng cấp nước cho các xã thuộc thị xã Hoài Nhơn cũ: Xã Hoài Châu (nay là phường Tam Quan), xã Hoài Phú (nay là phường Hoài Nhơn Tây), xã Hoài Sơn, Hoài Châu Bắc (nay là phường Hoài Nhơn Bắc); mở rộng hệ thống cấp nước cho các khu vực trên địa bàn phường An Bình (xã Tân An, xã Cư An cũ), phường Diên Hồng (xã Diên Phú cũ), phường An Phú (xã Chư Á, xã An Phú cũ); phường Hội Phú (phường Hội Phú cũ);...

d) Môi trường

Phát triển hạ tầng thu gom, phân loại, xử lý, tái chế chất thải gắn với kinh tế tuần hoàn, bảo tồn đa dạng sinh học; tham gia hiệu quả thị trường carbon; phát triển ngành công nghiệp và dịch vụ môi trường, thúc đẩy xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường theo định hướng phân vùng. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch bảo vệ môi trường, Kế hoạch quản lý chất thải rắn, Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí,... Phân đầu thực hiện đạt mục tiêu đề ra về tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn được thu gom, xử lý đảm bảo. Tiếp tục thực hiện công tác quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học. Thành lập mới và nâng mức độ bảo tồn đối với các khu bảo tồn thiên nhiên trên địa bàn tỉnh.

1.10. Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hoá, đa dạng hoá

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự tôn dân tộc, ý thức bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, nền biên phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ gắn với xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch, phản động. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh; đặc biệt chú trọng khu vực biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa của tỉnh.

- Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền, vai trò tham mưu của các cơ quan, đơn vị trong xây dựng, hoạt động của khu vực phòng thủ, gắn với củng cố thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên. Huy động hiệu quả mọi nguồn lực trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, hiện đại. Nâng cao chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh. Tập trung xây dựng lực lượng vũ trang theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; tham gia xử lý có hiệu quả các tình huống quốc phòng, an ninh; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ và phòng thủ dân sự; đổi mới, nâng cao chất lượng huấn luyện, diễn tập; thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, chính sách hậu phương quân đội và công tác đối ngoại quốc phòng; bảo đảm vững chắc an ninh chính trị. Bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh xã hội, an ninh tôn giáo, an ninh con người, an ninh thông tin, an ninh mạng. Triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị và Kết luận của Bộ Chính trị về công tác phòng, chống ma túy và kiểm soát ma túy trong tình hình mới. Tăng cường bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, tấn công trấn áp kịp thời các loại tội phạm, nhất là tội phạm công nghệ cao, lừa đảo..., giữ vững ổn định, bình yên cho Nhân dân và tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Tăng cường hợp tác và liên kết với các đối tác nước ngoài phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; củng cố quốc phòng, an ninh; nâng cao vị thế của tỉnh Gia Lai, đóng góp vào hòa bình, ổn định và phát triển bền vững của khu vực và thế giới.

- Duy trì và đẩy mạnh phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với các đối tác và địa phương có quan hệ hợp tác hữu nghị truyền thống, nhất là mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt giữa tỉnh Gia Lai với các tỉnh Nam địa phương của Lào, Đông Bắc Campuchia gắn với ổn định biên giới hiện quản, các địa phương, đối tác thuộc các quốc gia châu Âu và các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương; tăng cường phối hợp giữa các kênh thông tin với cơ quan đối ngoại của tỉnh, kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân; mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác phù hợp với yêu cầu

và điều kiện của tỉnh nhằm thu hút nguồn ngoại lực, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh của tỉnh.

- Tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp theo kế hoạch của tỉnh nhằm phát triển Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh trở thành động lực tăng trưởng ở khu vực phía Tây của tỉnh, trong đó chú trọng thúc đẩy hợp tác, phát triển kinh tế với các địa phương của Campuchia, Lào.

- Nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến đầu tư - thương mại - du lịch ra nước ngoài và các sự kiện đối ngoại quan trọng tại tỉnh gắn với đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh và các cơ chế, chính sách, dự án kêu gọi đầu tư. Triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ liên quan đến các thỏa thuận hợp tác giữa tỉnh với các đối tác nước ngoài đã ký kết, chú trọng nâng cao tính hiệu quả, thiết thực trong các mối quan hệ đối ngoại.

- Thiết lập các đầu mối quan trọng và tranh thủ sự quan tâm, ủng hộ của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài để kết nối, trao đổi thông tin liên lạc phục vụ xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch và tuyên truyền, giới thiệu hình ảnh, chủ trương, chính sách của tỉnh ra nước ngoài.

II. VỀ TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH VÀ VAY, TRẢ NỢ CÔNG

- **Cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng bền vững**, mở rộng cơ sở thu, nuôi dưỡng nguồn thu và tăng tỷ trọng thu từ sản xuất, kinh doanh. Bám sát chỉ tiêu thu hằng năm; xây dựng kịch bản thu theo từng địa bàn, sắc thuế, ngành, lĩnh vực và nguồn thu lớn; tăng cường quản lý thu từ đất đai, tài nguyên, thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số và hoạt động kinh tế mới, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời.

- **Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý thu**, kết nối, khai thác dữ liệu về thuế, đất đai, đầu tư, đăng ký kinh doanh, hóa đơn điện tử và giao dịch thương mại; tăng cường thanh tra, kiểm tra theo mức độ rủi ro, chống thất thu, chuyển giá, gian lận thuế và xử lý nợ đọng. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan tài chính, thuế, hải quan, các sở, ngành và chính quyền cấp xã trong quản lý, đôn đốc thu ngân sách.

- **Khai thác hiệu quả nguồn lực từ đất đai, tài nguyên và tài sản công**. Đẩy nhanh lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, đấu giá quyền khai thác khoáng sản; kịp thời xác định, thu nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính của nhà đầu tư. Rà soát, sắp xếp, xử lý trụ sở, nhà, đất và tài sản công dôi dư sau sắp xếp tổ chức bộ máy; ưu tiên tái sử dụng, chuyển đổi công năng hoặc khai thác theo quy định, không để thất thoát, lãng phí.

- **Điều hành chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả**, trong phạm vi dự toán và khả năng thu thực tế; ưu tiên nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội, phòng, chống thiên tai và các nhiệm vụ cấp thiết. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, hội nghị, công tác, mua sắm và xây dựng trụ sở; hạn chế phát sinh nhiệm vụ chi ngoài dự toán, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương tài chính.

- **Ưu tiên nguồn lực cho các động lực tăng trưởng mới**, bảo đảm tỷ lệ chi theo quy định cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tập trung đầu tư hạ tầng giao thông chiến lược, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, năng lượng, logistics, nông nghiệp công nghệ cao, giáo dục, y tế và hạ tầng số. Việc phân bổ ngân sách

phải gắn với sản phẩm đầu ra, tiến độ, hiệu quả kinh tế - xã hội và khả năng đóng góp vào năng suất các nhân tố tổng hợp.

- **Nâng cao hiệu quả đầu tư công**, bố trí vốn tập trung, không dàn trải; ưu tiên hoàn thành dự án chuyển tiếp, dự án liên vùng, công trình trọng điểm và dự án có khả năng sớm đưa vào khai thác, tạo năng lực sản xuất mới. Đẩy nhanh giải ngân, kịp thời điều chuyển vốn từ dự án chậm sang dự án có khối lượng và khả năng hoàn thành; gắn trách nhiệm người đứng đầu với tiến độ và hiệu quả sử dụng vốn.

- **Đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho phát triển**, phát huy vai trò dẫn dắt của ngân sách nhà nước để huy động vốn tư nhân, tín dụng, hợp tác công tư, nguồn vốn nước ngoài và các nguồn lực hợp pháp khác. Nghiên cứu sử dụng phù hợp các công cụ tài chính xanh, tín dụng xanh, trái phiếu và quỹ đầu tư để hỗ trợ hạ tầng chiến lược, năng lượng tái tạo, chuyển đổi xanh, đổi mới sáng tạo và các dự án có sức lan tỏa lớn.

- **Quản lý vay và trả nợ chính quyền địa phương an toàn, hiệu quả**, trong giới hạn được cấp có thẩm quyền quyết định và phù hợp khả năng cân đối ngân sách. Chỉ sử dụng vốn vay cho các dự án đầu tư phát triển có hiệu quả, khả năng hoàn vốn hoặc tác động lan tỏa rõ ràng; kiểm soát chặt nghĩa vụ nợ, chi phí vay, tiến độ giải ngân và rủi ro tài chính, bảo đảm trả nợ đầy đủ, đúng hạn.

- **Tăng cường công khai, minh bạch và giám sát ngân sách**, thực hiện nghiêm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Đẩy mạnh kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với các lĩnh vực có nguy cơ thất thoát cao; xử lý nghiêm vi phạm trong quản lý thu, chi, đầu tư công, tài sản công và huy động, sử dụng vốn vay.

- Định kỳ đánh giá, dự báo tình hình thu, chi, bội chi và nghĩa vụ trả nợ; chủ động xây dựng phương án điều hành theo các kịch bản tăng trưởng, bảo đảm nguồn lực thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030, đồng thời giữ vững an ninh, an toàn tài chính địa phương.

III. VỀ ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN

1. Đối với ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu: Bố trí theo quy định của Luật Đầu tư công và hướng dẫn của Trung ương, trong đó tập trung ưu tiên bố trí cho các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, các chương trình, dự án theo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 -2030, các dự án liên vùng, liên xã...

2. Đối với ngân sách địa phương: Cấp tỉnh, cấp xã chủ động quyết định đầu tư theo quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực, phục vụ tốt nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn theo tinh thần "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm". Quán triệt nguyên tắc bố trí vốn tập trung, không dàn trải, giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025, ưu tiên bố trí cho các dự án liên vùng, liên tỉnh, liên xã, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bảo đảm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án trọng điểm được Trung ương hỗ trợ đầu tư trên địa bàn, bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn theo

cam kết.

- Tập trung đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược, đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là cao tốc Quy Nhơn – Pleiku, các tuyến kết nối Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh với khu vực duyên hải, hạ tầng phục vụ đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam, nâng cấp và mở rộng các cảng hàng không, cảng biển, cảng cạn, trung tâm logistics; hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các khu vực động lực theo Quy hoạch tỉnh.

- Ưu tiên đầu tư hạ tầng tạo nền tảng cho mô hình tăng trưởng mới, gồm hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu dùng chung, khu công nghệ số tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo; hạ tầng năng lượng tái tạo, lưới điện thông minh và tích trữ năng lượng; hạ tầng nông nghiệp công nghệ cao, vùng nguyên liệu, thủy lợi đa mục tiêu, logistics lạnh và chế biến sâu. Việc bố trí vốn phải góp phần nâng năng suất lao động, hiệu quả sử dụng vốn và đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng xã hội và bảo đảm phát triển bao trùm, ưu tiên giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, nhà ở xã hội, cấp nước sạch, xử lý nước thải, chất thải rắn; các công trình vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới và địa bàn khó khăn. Tập trung đầu tư các trường phổ thông nội trú liên cấp tại xã biên giới, y tế cơ sở, công trình phòng, chống thiên tai và bảo đảm an ninh nguồn nước.

3. Thực hiện hướng dẫn của Trung ương về hạch toán hiệu quả kinh tế - xã hội làm cơ sở phân bổ vốn đầu tư công. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa đầu tư công với đầu tư xã hội. Hợp tác, vay vốn nước ngoài, vốn trái phiếu dài hạn, vốn của Nhân dân, doanh nghiệp, kết hợp với NSNN để triển khai các dự án lớn.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và UBND các xã, phường:

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền nội dung Kế hoạch này đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, đoàn viên, hội viên và Nhân dân.

- Kịp thời rà soát, ban hành/điều chỉnh chương trình, kế hoạch của ngành, địa phương mình và tổ chức triển khai nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án đề ra. Trong quá trình triển khai thực hiện phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, giải quyết theo quy định.

- Báo cáo sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai và các cơ quan liên quan chủ động phối hợp với các sở, ngành và UBND các xã, phường tổ chức phổ biến Kế hoạch này trong các cấp, các ngành; tăng cường thông tin, tuyên truyền, vận động để cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh biết, tích cực hưởng ứng và triển khai thực hiện.

3. UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh và HĐND các xã, phường tăng cường trách nhiệm, thực hiện tốt vai trò giám sát theo quy định của pháp luật và thường xuyên phối hợp, tạo điều kiện giúp UBND tỉnh, các sở, ngành và UBND các xã, phường triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, giải pháp đã đề ra.

4. UBND tỉnh đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các hội, đoàn thể chỉ đạo, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên cùng các tầng lớp Nhân dân đoàn kết, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh như đã nêu tại Kế hoạch này./. *ad*

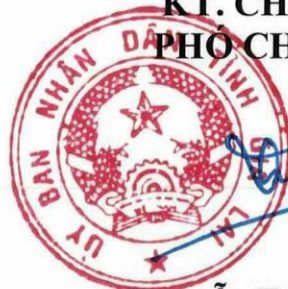
Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, T3. *ad*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh
Nguyễn Tuấn Thanh